| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1- ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **257** /2026/HNGĐ-ST
Ngày 29/4/2026
V/v*"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Kinh Luân
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1.Ông Nguyễn Xuân Tùng
2.Ông Nguyễn Văn Sanh
*Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Hải Hoàng - Cán bộ Tòa án.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng tham gia phiên toà*: bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2025 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 344/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2026/QĐST – HNGĐ, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Văn V**, sinh ngày 18/11/1988, quốc tịch: Việt Nam, hộ chiếu số: C4767850 do Cục Q cấp ngày 16/03/2018. Nơi thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn C xã H huyện T, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: 314-0115 195-35 I, C, Thành phố K, tỉnh Ibaraki, Nhật Bản. Địa chỉ nhận văn bản: Ông Trần Đức M, Công ty L2 và Cộng sự - chi nhánh P. Địa chỉ: số A, đường H, phường N, tỉnh Phú Thọ - Ông V (có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn***: Bà Lê Thị Kim N**, sinh năm: 1989. Nơi thường trú: K H, phường H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Lê Thị Kim N có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là

phường H, thành phố Đà Nẵng) theo giấy chứng nhận kết hôn số 89, đăng ký ngày 02 tháng 10 năm 2019. Sau khi kết hôn, do điều kiện kinh tế gia đình và trước đó ông cũng đã sinh sống ở Nhật Bản nên ông đã quay trở lại Nhật Bản để sinh sống và làm việc vào đầu năm 2020. Còn vợ thì ở lại Việt Nam để chăm lo cho con nhỏ, do khoảng cách địa lý nên vợ chồng dần phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, cũng không thể gặp nhau hàn gắn nên tình cảm vợ chồng càng nhạt phai. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên tạo điều kiện để hòa giải, ông cũng nhiều lần tìm cách hàn gắn mâu thuẫn với bà N nhưng không có kết quả. Nay nhận thây mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Lê Thị Kim N.

- *Về quan hệ con chung*: Ông và bà N có một con chung là Bùi Lê Nhật L - sinh năm 2019. Hiện cháu Bùi Lê Nhật L đang sinh sống tại K H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Ly hôn, ông có nguyện vọng giao cháu Bùi Lê Nhật L cho mẹ là Lê Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000đ /tháng, thời điểm cấp dưỡng ngày 10 hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông V xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải Tòa án giải quyết. Đồng thời xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên toà, nguyên đơn là ông Bùi Văn V vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo đó, ông khẳng định giữ nguyên yêu cầu về việc ly hôn với bà Lê Thị Kim N

** Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Kim N trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Bùi Văn V có tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Nhật Bản nhưng ở 02 nơi khác nhau. Sau đó, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do: ông V có người khác, khoảng cách địa lý xa. Khoảng tháng 04 năm 2024 bà và ông V ly thân, hiện nay bà xác định không còn tình cảm với ông V. Nay ông V yêu cầu Toà án giải

quyết ly hôn bà không đồng ý ly hôn vì giữa bà và ông V chưa thống nhất được nội dung trước đây 02 bên thoả thuận là ông V và bà phối hợp bỏ họ cha cho bé Bùi Lê Nhật L

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông V có một con chung là Bùi Lê Nhật L - sinh năm 2019. Hiện cháu Bùi Lê Nhật L đang sinh sống tại K H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Nếu Toà án giải quyết ly hôn, để tránh làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, bà đề nghị tòa án giao cháu Bùi Lê Nhật L cho mẹ là bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: bà có nguyện vọng yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000đ /tháng, thời điểm cấp dưỡng ngày 10 hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến cho rằng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng.*

*Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Kim N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, ông Bùi Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Bùi Văn V và bà Lê Thị Kim N

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Bùi Văn V và bà Lê Thị Kim N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (cũ) theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 89 ngày 02/10/2019. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên đơn cho rằng trong quá trình chung sống với nhau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do khoảng cách địa lý nên không hàn gắn tình cảm, tình cảm vợ chồng phai nhạc dần. Đến nay, ông V xác định không còn tình cảm với bà N. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà N. Bị đơn bà Lê Thị Kim N cho rằng: do ông Vệ sinh S ở N và đã có con với người khác. Khoảng cách địa lý xa xôi, từ tháng 04 năm 2024 đến nay vơ chồng đã ly thân, bà xác định không còn tình ảm với ông V. Tuy nhiên, nay ông V yêu cầu được ly hôn bà không đồng y vì giữa bà và ông V chưa thống nhất được nội dung bỏ họ cha cho con chung

Xét thấy hôn nhân giữa ông V và bà N đã không còn tồn tại trên thực tế, đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn tồn tại trong đời sống vợ chồng của các đương sự là có thật, phù hợp với xác minh tại địa phương cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Trên thực tế hai vợ chồng không còn chung sống với nhau. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông V giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông đối với bà N. Bà N dù không đồng ý ly hôn nhưng cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông V và bà N có 01 con chung là cháu Bùi Lê Nhật L – sinh ngày 03/8/2019. Ly hôn, ông V và bà N đều thống nhất giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện cháu cũng đang sống cùng với mẹ. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu, cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 6.000.000 đồng/ tháng, phương thức cấp dưỡng: định kỳ vào ngày 10 hàng tháng cũng là phù

hợp với nguyện vọng của bà N khi nuôi cháu L. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông V, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V bà N xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Bùi Văn V phải chịu; án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông Bùi Văn V phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Văn V** đối với bà **Lê Thị Kim N**. Tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân : xử cho ông Bùi Văn V được ly hôn đối với bà Lê Thị Kim N

**2**. Về quan hệ con chung: xử giao con chung là Bùi Lê Nhật L, sinh ngày 03/8/2019 cho bà Lê Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Bùi Văn V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng), phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 10 hàng tháng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi **.**

Vì lợi ích con chung, các bên được thực hiện quyền và nghĩa vụ với con chung theo quy định của pháp luật.

**3.** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông V phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006738 ngày

05/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. (Ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông Bùi Văn V phải chịu.

**4**. Nguyên đơn, bị đơn vắng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 1- Đà Nẵng;*
- *THADS TP. Đà Nẵng;*
- *UBND phường Hoà Cường;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Ngọc Kinh Luân**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**QUẬN HẢI CHÂU**
**TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hải Châu, ngày 16 tháng 9 năm 2020*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU- TP .**
**Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đặng Ngọc Kinh L1**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Huỳnh Thanh T**

Ông **Nguyễn Văn S1**

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự

Vào hồi giờ 00 ngày 16/9/2020. Tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án ly hôn :

* *Nguyên đơn*: Bà ***Lê Hoàng Quý T1****, sinh năm 1981*

Địa chỉ: 2 S, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (bà T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn*: Ông ***Thái Bá H****, sinh năm 1975*

Địa chỉ: 2 P, quận H, thành phố Đà Nẵng.(ông H vắng mặt, không có lý do)

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,**
**QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

**1**. Về Điều luật áp dụng: Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

**2**. Tuyên xử :

+ *Về quan hệ hôn nhân* : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" của bà Lê Hoàng Quý T1 và ông Thái Bá H. Xử cho bà Lê Hoàng Quý T1 được ly hôn đối với ông Thái Bá H.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

+ *Về quan hệ con chung*: Về quan hệ con chung: Xử giao 02 con chung là 02 người con chung lần lượt là Thái Bảo Khánh N1, sinh ngày 18/5/2008 và Thái Bảo Khánh N2, sinh ngày 16/4/2011 cho bà Lê Hoàng Quý T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Thái Bá H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung, các bên được thực hiện quyền và nghĩa vụ với con chung theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

**3.** Về Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là : Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà T1 phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 8897 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (bà T1 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

**4**. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**HỘI THẨM NHÂN DÂN – THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Trà Nguyễn Văn SanhĐặng Ngọc K Luân**

***Nơi nhận:***
*- Đương sự;*
*- VKSND Q.Hải Châu;*
*- CCTHADSQ.Hải Châu;*
*- UBND phường Tam Thuận;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Ngọc Kinh Luân**

| HỘI THẨM NHÂN DÂN | | THẨM PHÁN<br>CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ |
|---|---|---|
| **Nguyễn Văn Sanh** | **Huỳnh Tiễn** | **Đặng Ngọc Kinh Luân** |